

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/LĐ-PT
Ngày: 06-5-2026
V/v Tranh chấp về xử lý
kỷ luật, sa thải; đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch
Ông Nguyễn Văn Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Đỗ Văn Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 4 và 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 03/2026/TLPT-LĐ ngày 04/3/2026 về việc “Tranh chấp về xử lý kỷ luật, sa thải; đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 177/2026/QĐ-PT ngày 12/3/2026; Thông báo số 311/TB-PT ngày 04/5/2026 về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số E ấp E, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2024.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần D; địa chỉ: Số A N, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1977; địa chỉ: Số C N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền ngày 07/4/2026.

Bà Phan Thị Cẩm H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số B V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2026.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Quốc T3 – Công ty L1; địa chỉ: Số B V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Minh T.

4. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - tỉnh Lâm Đồng.

Bà Lê Thị Minh T, ông Nguyễn Văn T1, ông Ngô Văn T2, bà Phan Thị Cẩm H, Luật sư Nguyễn Quốc T3 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Minh T trình bày: Bà là người lao động làm việc tại Công ty cổ phần D (gọi tắt là Công ty D) theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký kết ngày 01/12/2022. Tại thời điểm làm việc bà giữ chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty D theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 66/NQ-HĐQT ngày 01/8/2024 của Công ty D.

Ngày 20/12/2023, Công ty D tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023, qua đó miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của bà. Việc miễn nhiệm được thể hiện tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 180/NQ-HĐQT/LDP. Không đồng ý với nội dung miễn nhiệm, bà làm đơn đề nghị Công ty D trả lời cho bà được biết về trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường và lý do vì sao miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của bà. Tuy nhiên, Công ty D không có bất cứ phản hồi nào cho bà liên quan đến việc này.

Ngày 12/6/2024, Công ty D ban hành Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 32/QĐ-TGD/2024 và Thông báo xử lý kỷ luật lao động số 20/TB-LDP/2024 ngày 12/6/2024 để sa thải lao động đối với bà. Việc Công ty D miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của bà mà không có lý do chính đáng, sau đó lại tiếp tục ban hành quyết định xử lý kỷ luật lao động và thông báo xử lý kỷ luật lao động để sa thải đối với bà là không đúng.

Ngày 20/12/2023, Công ty D tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường và miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà nhưng cho đến nay bà không được biết lý do bà bị miễn nhiệm. Việc này là không đúng theo quy định của pháp luật, căn cứ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Công ty D chỉ được miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà khi bà không đáp ứng đủ các điều kiện theo luật định. Tuy nhiên, xuyên suốt quá trình làm việc và đảm nhận chức vụ, bà luôn làm đúng trách nhiệm, hoàn thành tốt các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Công ty D ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn đối với bà nên sau khi Công ty D miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc thì sẽ không mặc nhiên chấm dứt quan hệ lao động giữa bà và Công ty D. Đồng thời, sau khi miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của bà thì Công ty D cũng không sắp xếp cho bà một vị trí làm việc khác tương xứng với vị trí mà bà đang công tác trước đó.

Công ty D cho rằng kể từ ngày 21/12/2023 bà không đến trụ sở để làm việc là không đúng thực tế. Ngày 20/12/2023, khi buổi họp Đại hội đồng cổ đông bất thường đang diễn ra, sau khi thông báo miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của bà, Công ty D đã yêu cầu nhân viên bảo vệ khóa cửa phòng làm việc của bà, không cho bà vào lấy đồ dùng cá nhân nên bà không thể đến Công ty D để làm việc được. Bà là người lao động luôn có trách nhiệm với công việc, cống hiến và xây dựng cho Công ty D một cách tốt nhất trên cương vị của mình. Trong suốt quá trình làm việc, giữa bà và Công ty D chưa từng có bất đồng quan điểm. Ngày 20/12/2023, Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp đại hội cổ đông bất thường qua đó miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà cho đến nay bà không được biết lý do, sau đó lại sa thải lao động đối với bà là trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Nay bà khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Xác định việc Công ty D miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của bà Lê Thị Minh T là trái pháp luật.

- Hủy Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 32/QĐ-TGD/2024. Buộc Công ty D thanh toán tiền lương và các khoản tiền bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 12/2023 cho đến khi vụ việc được giải quyết xong theo quy định pháp luật. Tạm tính tiền lương và các khoản tiền bảo hiểm xã hội mà Công ty D phải thanh toán cho bà T từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024. Cụ thể:

+ L nợ tháng 12/2023 và thuế thu nhập cá nhân là: 121.003.308đ.

+ L từ tháng 01/2024 – 12/2024 là: 1.200.000.000đ.

+ Các khoản bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội 25.5%; Bảo hiểm y tế: 4.5%; Bảo hiểm thất nghiệp 2%: $32\% = 8.320.000\text{đ}/\text{tháng}$ tính từ tháng 01/2024 – 12/2024 là: 99.840.000đ.

+ Tiền thuế thu nhập cá nhân từ tháng 01/2024 – 12/2024 là: 252.039.694đ.

+ Thù lao Hội đồng quản trị (6 tháng cuối năm 2023) là: 60.000.000đ.

+ Tiền bồi thường hai tháng lương theo quy định (Lương thực nhận + Thuế TNCN + các loại bảo hiểm) là: 258.646.616đ.

Tổng cộng: 1.991.646.617đ.

Bị đơn Công ty cổ phần D trình bày:

Bà T là người lao động làm việc tại Công ty D theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký kết ngày 01/12/2022 với chức vụ Tổng Giám đốc, quyền hạn trách nhiệm ở vị trí công việc này của bà T quy định rõ trong điều lệ hoạt động của Công ty D.

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian đương nhiệm, bà T không hoàn thành công việc của mình, không điều hành được toàn bộ hoạt động của Công ty D, dẫn đến doanh thu hoạt động kinh doanh năm 2023 thua lỗ nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các cổ đông, sự sống còn của Công ty D và liên đới đến công ăn việc làm, thu nhập của toàn thể nhân viên. Ngoài ra, trong thời gian đương nhiệm, ngoài mức lương được hưởng quá cao, bà T vẫn còn lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quá trình đương nhiệm để tư lợi cá nhân bằng cách tạo ra các chi phí thông qua các hợp đồng thuê xe với người thân trong gia đình nhằm để chuyển tiền công ty thanh toán cho các hợp đồng này, trục lợi cá nhân. Không thể tiếp tục chấp nhận những sai phạm mà bà T đã làm, ngày 20/12/2023, Công ty D tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023, qua đó miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của bà T. Việc miễn nhiệm được thể hiện tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 180/NQ-HĐQT/LDP.

Sau khi bị miễn nhiệm, bà T đã có những hành động chống đối, vi phạm pháp luật, chiếm đoạt con dấu của Công ty D, không đến công ty làm việc, liên tục quấy rối công ty yêu cầu chi trả quyền lợi, chế độ tại thời điểm công ty chưa sa thải bà T, Công ty D liên tục mời bà T lên làm việc để bàn giao công việc, con dấu, sắp xếp công việc mới nhưng bà T không hợp tác, nhằm gây áp lực, gây rối loạn nội bộ Công ty D. Sự việc này Công ty D có lập vi bằng để ghi nhận. Không chấp nhận những hành động sai trái của bà T, ngày 12/6/2024 Công ty D ban hành Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 32/QĐ-TGĐ/2024 và Thông báo xử lý kỷ luật lao động số 20/TB-LDP/2024 ngày 12/6/2024 để sa thải đối với bà T.

Việc Công ty D miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của bà T là có lý do chính đáng. Vì:

Từ lúc được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, bà T nhận mức lương rất cao cho vị trí công việc của mình nhưng lại không có trách nhiệm trong công việc, chưa có bất kỳ đóng góp cho Công ty D, không đủ năng lực điều hành doanh nghiệp khiến doanh thu của Công ty D năm 2023 lỗ hơn 20 tỷ đồng thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2023 do Công ty kiểm toán lập và còn tư lợi cá nhân, đẩy Công ty D đến bờ vực phá sản, chính vì để bảo vệ quyền và lợi ích của doanh nghiệp, cổ đông, tập thể người lao động, Hội đồng quản trị Công ty D mới thực hiện Đại hội cổ đông bất thường để bãi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của bà T, việc bãi nhiệm này cũng để cơ cấu lại công ty và đưa người mới vào điều hành doanh nghiệp nhằm giải quyết những thiệt hại do bà T gây ra. Bà T hiểu rõ tình trạng khó khăn của Công ty D.

Sau khi Công ty D miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc thì sẽ không mặc nhiên chấm dứt quan hệ lao động giữa bà T và Công ty D. Tuy nhiên, bà T không có mặt ở Công ty D để tiếp tục làm việc những ngày sau đó mà không có lý do hoặc thông báo nào cho Công ty D được biết, việc bà T viện lý do Công ty D đã yêu cầu nhân viên bảo vệ khóa cửa phòng làm việc, không cho bà T vào lấy đồ dùng cá nhân nên bà T không thể đến Công ty D để làm việc được là không có căn cứ. Trong khi đó, Công ty D có các bằng chứng, có xác nhận của phòng nhân sự, bảo vệ công ty, chứng minh kể từ ngày miễn nhiệm bà T không có mặt

tại Công ty D bất cứ ngày nào. Việc bà T không có mặt tại Công ty D nên không thực hiện được bất kỳ cuộc họp nào để có thể thảo luận trao đổi cùng bà T nhằm cơ cấu vị trí công việc mới cho bà T.

Bà T cho rằng rằng bà là người lao động luôn có trách nhiệm với công việc, cống hiến và xây dựng cho Công ty D một cách tốt nhất trên cương vị của mình. Nhưng thực tế trong thời gian đương nhiệm, bà T không điều hành được hoạt động Công ty D, hiệu quả kinh doanh không có, nhưng vẫn nhận khoản lương và các khoản trợ cấp chức danh đều đặn hàng tháng rất cao, bất chấp Công ty L2 với muôn vàn khó khăn, nguy cơ phá sản. Bà T còn tư lợi cá nhân để chiếm đoạt tiền công ty bằng cách tạo những hợp đồng thuê xe với người thân để hàng tháng đều đặn chiếm đoạt tiền của công ty với giá trị rất lớn, chiếm đoạt con dấu một thời gian dài, làm ảnh hưởng đến tất cả hoạt động giao dịch của Công ty D.

Từ ngày 21/12/2023 đến nay, bà T không có mặt ở Công ty D bất kỳ một ngày nào, kể từ ngày bãi nhiệm cho đến nay bà T không đến Công ty D làm việc, không chấp hành bất kỳ yêu cầu nào của Công ty D mời lên để trao đổi công việc, nhận vị trí công việc mới và bà T đã ngang nhiên tự ý bỏ việc hoàn toàn. Công ty D đã giải quyết lương và các chế độ cho bà T đến hết tháng 12/2023. Công ty D không còn bất kỳ nghĩa vụ trách nhiệm gì với bà T. Công ty D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.991.646.617đ, ngày 03/3/2025 bị đơn đã tự chuyển vào tài khoản của bà T số tiền 66.666.667đ nên số tiền còn lại bà T yêu cầu là 1.924.979.959đ và không yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T về việc “Tranh chấp về xử lý kỷ luật, sa thải; đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” với Công ty cổ phần D.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo ngày 30/9/2025 của bà Lê Thị Minh T, yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-LĐ ngày 06/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - tỉnh Lâm Đồng, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Lâm Đồng xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Lê Thị Minh T, ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - tỉnh Lâm Đồng đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm chưa thu thập các biên bản họp của Hội đồng quản trị của Công ty D để xem xét việc Công ty D tiến hành miễn nhiệm đối với bà T. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm cấp phúc thẩm đã khắc phục thu thập chứng cứ, do đó tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quy định của pháp luật, đơn kháng cáo của bà Lê Thị Minh T, quyết định kháng nghị trong thời hạn luật định và thủ tục kháng cáo, kháng nghị được thực hiện đúng quy định tại Điều 271, 272, 273, 278, 279, 280, 281 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng kháng nghị hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập các biên bản họp của Hội đồng quản trị của Công ty D để xem xét việc Công ty D tiến hành miễn nhiệm đối với bà T. Tuy nhiên, các tài liệu này đã được khắc phục tại giai đoạn phúc thẩm, do đó tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã rút kháng nghị. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Minh T, xét thấy:

[2.1] Ngày 01/12/2022, bà T và Công ty cổ phần D ký Hợp đồng lao động. Loại hợp đồng không xác định thời hạn từ ngày 01/12/2022; Chức danh: Tổng Giám đốc.

Bị đơn Công ty D cho rằng trong khoảng thời gian đương nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, bà T không hoàn thành công việc của mình, không điều hành được toàn bộ hoạt động của Công ty D, dẫn đến doanh thu hoạt động kinh doanh

năm 2023 thua lỗ nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các cổ đông, sự sống còn của Công ty D và liên đới đến công ăn việc làm, thu nhập của toàn thể nhân viên. Bà T được hưởng mức lương quá cao, còn lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quá trình đương nhiệm để tư lợi cá nhân bằng cách tạo ra các chi phí thông qua các hợp đồng thuê xe với người thân nhằm để chuyển tiền công ty thanh toán cho các hợp đồng này, trục lợi cá nhân. Không thể tiếp tục chấp nhận những sai phạm mà bà T đã làm, ngày 20/12/2023 Công ty D tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023, qua đó miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của bà T. Việc miễn nhiệm được thể hiện tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 180/NQ-HĐQT/LDP.

Theo , Đại hội đồng cổ đông có quyền miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong Công ty cổ phần. Hợp đồng lao động ngày 01/12/2022 và quy định điểm i, khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty D sửa đổi lần thứ XV ngày 26/4/2021 quy định Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau: “Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc”.

Do vậy, ngày 20/12/2023 Hội đồng quản trị Công ty D đã tiến hành họp hội đồng quản trị và ban hành Nghị quyết số 180/NQ-HĐQT/LDP về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà T, với 5 thành viên tham gia họp và 5/5 thành viên bỏ phiếu tán thành miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà T là đúng quy định của Điều lệ Công ty D và Luật Doanh nghiệp.

[2.2] Đối với việc Công ty D ban hành Quyết định số 32 ngày 12/6/2024 xử lý kỷ luật lao động về việc sa thải bà T.

Theo Công ty D, sau khi bà T bị miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, bà T không đến Công ty D làm việc từ ngày 20/12/2023 đến nay.

Bà T, ông T1 cũng thừa nhận bà T có nhận được các thông báo của Công ty D nhưng cho rằng do thông báo chỉ nói chung chung không ghi rõ mời bà T đến để bố trí công việc mới nên bà T không đến. Tuy nhiên, theo Thông báo số 06/TB-LDP/2024 ngày 06/3/2024 Công ty D đã thông báo cho bà T phải có mặt tại Công ty D vào ngày 15/3/2024 để bàn giao công việc và phân công công việc mới nhưng bà T không có mặt. Do đó lời trình bày của bà T là không có cơ sở.

Theo Bảng chấm công từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024 của Công ty D, thể hiện bà T không có mặt làm việc tại Công ty D từ ngày 21/12/2023.

Như vậy, bà T đã có hành vi vi phạm kỷ luật lao động đã tự ý bỏ việc từ ngày 21/12/2023 đến nay nên Công ty D đã áp dụng hình thức kỷ luật sa thải đối với bà T là đúng quy định tại khoản 4 Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019.

Khoản 4 Điều 125 quy định: Hình thức xử lý kỷ luật sa thải được người sử dụng lao động áp dụng trong trường hợp sau đây:

“Người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong thời hạn 30 ngày hoặc 20 ngày cộng dồn trong thời hạn 365 ngày tính từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng.

Trường hợp được coi là có lý do chính đáng bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, bản thân, thân nhân bị ốm có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền và trường hợp khác được quy định trong nội quy lao động”.

Về thời hiệu xử lý kỷ luật lao động, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động, hình thức xử lý kỷ luật lao động được Công ty D thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 122, 123, 124, 125 Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 70 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Như vậy, từ ngày 21/12/2023 đến ngày 12/6/2024 bà T không đến Công ty D làm việc. Ngày 12/6/2024, Công ty D ban hành Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 32/QĐ-TGĐ/2024 và Thông báo xử lý kỷ luật lao động số 20/TB-LDP/2024 ngày 12/6/2024 sa thải lao động đối với bà T là có căn cứ, đúng quy định.

Do việc xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải bà T là có căn cứ pháp luật, căn cứ Điều 99 Bộ luật Lao động năm 2019 Công ty D không phải thanh toán tiền lương, các khoản tiền khác theo yêu cầu của bà T là có cơ sở.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T, ông T1 xác nhận bà T đã nhận đủ tiền lương đến tháng 12/2023, đã chốt sổ bảo hiểm, đã nhận sổ bảo hiểm xã hội và cũng đã rút bảo hiểm xã hội một lần vào tháng 9/2025, bà T không có ý kiến gì thêm nên việc tất toán tiền lương, hoàn tất thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm, trả sổ bảo hiểm đã được Công ty D thực hiện đúng theo Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019.

Từ những phân tích nêu trên, cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

[3] Bà T được miễn án phí lao động phúc thẩm theo quy định.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Minh T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng.

2. Đình chỉ việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, 266, 271, 273, 278, 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 34, 99, 122, 123, 124, 125, và Điều 190 ;

Căn cứ Điều 12, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Minh T về việc “Tranh chấp về xử lý kỷ luật, sa thải; đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” với bị đơn Công ty cổ phần D1.

2. Nguyên đơn bà Lê Thị Minh T được miễn án phí lao động phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 1 - Lâm Đồng (02);
- Phòng THADS khu vực 1 - Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đăng